

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT
ngày 16 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
quy định về bảo trì công trình hàng hải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 16 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 16 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 và bổ sung khoản 3 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 như sau:

“1. Công trình hàng hải **trong phạm vi Thông tư này bao gồm**: bến cảng; cầu cảng; **bến phao neo**; khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão, **vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch** trong vùng nước cảng biển; luồng hàng hải, **vùng quay trở**; công trình sửa chữa, **đóng mới** tàu biển; đèn biển (bao gồm nhà trạm gắn với đèn biển); phao, tiêu báo hiệu hàng hải; **hệ thống hỗ trợ hàng hải (hệ thống VTS, AIS)**; nhà trạm quản lý, vận hành phao, tiêu báo

hiệu hàng hải; ***công trình chỉnh trị, đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ***; hạ tầng mạng viễn thông hàng hải.

2. Bảo trì công trình hàng hải là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình hàng hải có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác, sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình. ***Đối với công trình hàng hải là bến phao neo, không thực hiện đánh giá an toàn công trình mà thực hiện việc kiểm tra, đăng kiểm định kỳ theo quy định tại quy chuẩn quốc gia về phân cấp và chế tạo phao neo.***”.

b) Bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố trong phạm vi Thông tư này là các bến cảng, cầu cảng đã được kiểm định, cải tạo, nâng cấp hoặc đánh giá kết cấu hạ tầng để tiếp nhận cỡ tàu có trọng tải lớn hơn thiết kế ban đầu của bến cảng, cầu cảng đó.”

2. Sửa đổi các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chịu trách nhiệm lập kế hoạch và dự kiến kinh phí bảo trì công trình hàng hải hàng năm và theo kỳ kế hoạch khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, trình ***Bộ Xây dựng*** phê duyệt.”

b) Sửa đổi các khoản 4, 5, 6 như sau:

“4. Trình tự lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm

a) Hàng năm, căn cứ tình trạng kỹ thuật của công trình, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử bảo trì công trình, thực tế tuyến luồng hàng hải, khu nước, vùng nước, các thông tin và dữ liệu khác, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế kỹ thuật, ***Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam*** rà soát, tổng hợp, lập kế hoạch và dự kiến kinh phí nhu cầu bảo trì công trình hàng hải của năm sau trình ***Bộ Xây dựng*** trước ngày 30 tháng 5 hàng năm;

b) ***Bộ Xây dựng*** rà soát, chấp thuận kế hoạch nhu cầu bảo trì công trình cho năm sau trước ngày 30 tháng 6 hàng năm; tổng hợp kế hoạch và dự kiến kinh phí bảo trì vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của ***Bộ Xây dựng***;

c) Trên cơ sở Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của ***Bộ Tài chính*** và kinh phí cho bảo trì công trình hàng hải, ***Cục Hàng hải và***

Đường thủy Việt Nam tổ chức rà soát danh mục công trình, hạng mục công trình cần thiết, lập kế hoạch và dự kiến kinh phí bảo trì công trình hàng hải, trình **Bộ Xây dựng** chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước của **Bộ Xây dựng**;

d) **Bộ Xây dựng** tổ chức phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam**.

5. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải

a) Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam** được điều chỉnh chuẩn tắc nạo vét, khối lượng, kinh phí dự kiến thực hiện của công trình nhưng không tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình, không làm tăng tổng kinh phí dự kiến trong kế hoạch bảo trì công trình hàng hải đã được phê duyệt và đảm bảo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, khai thác tối đa hiệu quả tuyến luồng, đồng thời báo cáo **Bộ Xây dựng** việc điều chỉnh; tổng hợp, trình **Bộ Xây dựng** phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình hàng hải trước ngày 01 tháng 11 hàng năm;

b) **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam** báo cáo **Bộ Xây dựng** xem xét, chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải trong các trường hợp: điều chỉnh tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình đã được phê duyệt kế hoạch; tăng tổng kinh phí dự kiến thực hiện; thời gian thực hiện; công trình không thực hiện; bổ sung công trình ngoài kế hoạch bảo trì công trình hàng hải đã được phê duyệt.

6. Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm được **Bộ Xây dựng** phê duyệt là một trong những căn cứ để **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam** và người quản lý, khai thác sử dụng triển khai thực hiện”.

c) Sửa đổi khoản 8 như sau:

“8. Đối với các công trình hàng hải do đơn vị trực thuộc **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam** quản lý

a) Các đơn vị trực thuộc **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam** được giao quản lý, khai thác công trình tổ chức lập dự toán bảo trì cho năm sau và gửi **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam** trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

b) **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam** thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí bảo trì cho năm sau và tổng hợp, trình **Bộ Xây dựng** trước ngày 15 tháng 8 hàng năm để thẩm định, giao nguồn vốn thực hiện;

c) Trên cơ sở Quyết định giao dự toán chi ngân sách nhà nước của **Bộ Xây dựng**, các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện bảo trì hàng năm theo quy định;

d) Việc lập, phê duyệt dự toán và thực hiện bảo trì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Sau khi phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải theo quy định tại khoản 1 Điều này, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình gửi *Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam*, Cảng vụ Hàng hải khu vực (hoặc *Cảng vụ Đường thủy nội địa nơi có công trình hàng hải*) văn bản phê duyệt và kế hoạch bảo trì công trình hàng hải để tổng hợp, theo dõi.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 10 như sau:

“3. Thời điểm và tần suất đánh giá an toàn công trình được quy định như sau:

a) Thời điểm đánh giá an toàn công trình được thực hiện cùng thời điểm kiểm định định kỳ công trình.

b) Trường hợp bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố, thực hiện đánh giá an toàn với tần suất ít nhất 03 năm/lần kể từ thời điểm bến cảng, cầu cảng được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố.

4. Tổ chức đủ điều kiện thực hiện đánh giá an toàn công trình hàng hải là tổ chức kiểm định đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định tại *khoản 1 Điều 108 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP)*. Phạm vi hoạt động của tổ chức này được thực hiện như đối với tổ chức kiểm định quy định tại *khoản 2 Điều 108 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP*”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“1. *Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam* tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra hàng năm, đột xuất và tổ chức kiểm tra sự tuân thủ các quy định về bảo trì công trình hàng hải của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Thông tư này.

2. *Cảng vụ hàng hải (hoặc Cảng vụ Đường thủy nội địa nơi có công trình hàng hải) kiểm tra, theo dõi hoạt động bảo trì các công trình hàng hải trong khu vực theo kế hoạch bảo trì hàng năm.*”

6. Bổ sung Điều 12a, Điều 12b vào sau Điều 12 như sau:

“Điều 12a. Tần suất khảo sát định kỳ luồng hàng hải công cộng, khu neo đậu tàu thuyền, khu tránh trú bão, vùng đón trả hoa tiêu

1. Tần suất khảo sát luồng hàng hải công cộng phục vụ thông báo hàng hải được xác định theo phương thức chấm điểm. Thang điểm đánh giá là 100 điểm, được xác định cụ thể theo tiêu chí quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

2. Tần suất khảo sát định kỳ luồng hàng hải công cộng phục vụ thông báo hàng hải được xác định theo tổng điểm đánh giá như sau:

a) Tần suất khảo sát 02 tháng/lần đối với luồng hàng hải công cộng có tổng số điểm chấm đạt từ 85 điểm trở lên;

b) Tần suất khảo sát 03 tháng/lần đối với luồng hàng hải công cộng có tổng số điểm chấm đạt từ 75 điểm đến 84 điểm;

c) Tần suất khảo sát 06 tháng/lần đối với luồng hàng hải công cộng có tổng số điểm chấm đạt từ 65 điểm đến 74 điểm;

d) Tần suất khảo sát 12 tháng/lần đối với luồng hàng hải công cộng có tổng số điểm chấm đạt từ 64 điểm trở xuống;

3. Đối với đoạn luồng hàng hải công cộng bị bồi lắng lớn, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam căn cứ vào mức độ bồi lắng thực tế, quy mô, phạm vi, vai trò của luồng hàng hải để xem xét, quyết định tần suất khảo sát.

4. Tần suất khảo sát định kỳ khu neo đậu tàu thuyền, khu tránh trú bão, vùng đón trả hoa tiêu:

a) Đối với khu neo đậu tàu thuyền, khu tránh trú bão, vùng đón trả hoa tiêu tận dụng độ sâu tự nhiên để khai thác, tần suất khảo sát định kỳ được quy định là 03 năm/lần.

b) Đối với khu neo đậu tàu thuyền, khu tránh trú bão, vùng đón trả hoa tiêu được thiết lập từ dự án nạo vét, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam căn cứ vào mức độ bồi lắng thực tế, quy mô, phạm vi, vai trò của khu neo đậu tàu thuyền, khu tránh trú bão, vùng đón trả hoa tiêu để xem xét, quyết định tần suất khảo sát.

5. Định kỳ ba (03) năm một lần, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam công bố cập nhật Danh mục định kỳ khảo sát các tuyến luồng hàng hải công cộng, khu neo đậu, khu tránh trú bão, vùng đón trả hoa tiêu.

Điều 12b. Tần suất khảo sát tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải

1. Tần suất khảo sát luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải được xác định theo phương thức chấm điểm. Thang điểm đánh giá là 100 điểm, được xác định cụ thể theo tiêu chí quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này.

2. Tần suất khảo sát luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải được xác định theo tổng điểm đánh giá như sau:

a) Tần suất khảo sát 12 tháng/lần đối với vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải có tổng số điểm đạt từ 80 điểm trở lên;

b) Tần suất khảo sát 24 tháng/lần đối với vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải có tổng số điểm đạt từ 65 điểm đến 79 điểm;

c) Tần suất khảo sát 36 tháng/lần đối với vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải có tổng số điểm chấm đạt từ 64 điểm trở xuống;

3. Đối với tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải mới được công bố lần đầu, hoặc sau khi nạo vét cải tạo, nâng cấp thực hiện khảo sát với tần suất 12 tháng/lần trong 03 năm đầu trừ trường hợp trong hồ sơ thiết kế yêu cầu thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để đảm bảo an toàn và theo dõi mức độ bồi lắng.

4. Tần suất khảo sát tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải được xác định theo quy định tại Thông tư này là tần suất tối thiểu. Trường hợp khu vực có điều kiện thủy văn phức tạp hoặc bồi lắng lớn, doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để phù hợp với nhu cầu thực tế và bảo đảm an toàn hàng hải trong quá trình khai thác.

5. Định kỳ ba (03) năm một lần, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam công bố cập nhật Danh mục định kỳ khảo sát các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam báo cáo Bộ Xây dựng kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải được giao khi có yêu cầu.

1a. Cảng vụ hàng hải, (hoặc Cảng vụ Đường thủy nội địa nơi có công trình hàng hải) báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam kết quả việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải khi có yêu cầu.

2. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về kết quả thực hiện bảo trì công trình hàng hải và đánh giá an toàn công trình hàng hải, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: báo cáo thực hiện bảo trì công trình hàng hải và đánh giá an toàn công trình hàng hải;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: tên công việc thực hiện, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, khối lượng thực hiện, nguồn kinh phí thực hiện, chi phí thực hiện (đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước), mức độ hoàn thành;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và được gửi đến cơ quan nhận báo cáo

bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, gửi qua hệ thống phần mềm, các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình gửi báo cáo về **Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam** trước ngày 17 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 2 Phụ lục I Thông tư này”.

8. Thay thế Phụ lục II, III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 16 tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng Phụ lục II, III và bổ sung Phụ lục IV, V ban hành kèm theo Thông tư này

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban An toàn giao thông quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ XD;
- Báo Xây dựng, Tạp chí XD;
- Lưu: VT, KCHT.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI PHẢI QUAN TRẮC TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số ... /2025/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Loại công trình	Cấp công trình
1	Công trình bến cảng biển	
1.1	Bến cảng hàng hóa, công vụ	Cấp I trở lên
1.2	Bến cảng hành khách	Không phân biệt cấp công trình
1.3	Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố	Cấp III trở lên
2	Công trình sửa chữa, đóng mới tàu biển: cầu trang trí, âu tàu biển, ụ tàu biển và các công trình nâng hạ tàu biển khác (triền, đà, sàn nâng...)	Cấp I trở lên
3	Công trình chỉnh trị, đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ	Cấp I trở lên

Ghi chú:

- Cấp công trình xác định theo Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;

- Đối với bến cảng khai thác hàng hóa và hành khách thì thực hiện như Bến cảng hành khách.

PHỤ LỤC III

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI PHẢI ĐƯỢC CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN XEM XÉT VÀ THÔNG BÁO Ý KIẾN VỀ KẾT QUẢ
ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số ... /2025/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Loại công trình	Cấp công trình
1	Công trình bến cảng biển	
1.1	Bến cảng hàng hóa, công vụ	Cấp I trở lên
1.2	Bến cảng hành khách	Không phân biệt cấp công trình
1.3	Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố	Cấp III trở lên
2	Công trình sửa chữa, đóng mới tàu biển: cầu trang trí, âu tàu biển, ụ tàu biển và các công trình nâng hạ tàu biển khác (triền, đà, sàn nâng...).	Cấp I trở lên
3	Công trình chỉnh trị, đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ	Cấp I trở lên

Ghi chú:

- Cấp công trình xác định theo Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;
- Đối với bến cảng khai thác hàng hóa và hành khách thì thực hiện như Bến cảng hành khách.

PHỤ LỤC IV
TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH TẦN SUẤT KHẢO SÁT
LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số ... /2025/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tiêu chí	Mô tả chi tiết	Thang điểm
1	Mức độ bồi lắng trong thời gian 12 tháng theo kết quả tính toán tại hồ sơ thiết kế nạo vét duy tu luồng hàng hải hoặc Thông báo hàng hải định kỳ nếu không thực hiện nạo vét duy tu	- Bồi lắng $\geq 0,5\text{m}$: 50 điểm - Bồi lắng trên 0,1m đến dưới 0,5m: 35 điểm - Bồi lắng $\leq 0,1\text{m}$: 20 điểm	20 - 50
2	Mật độ trung bình tàu thuyền hoạt động trên luồng trong vòng 03 năm gần nhất	- Mật độ ≥ 10.000 lượt tàu/năm: 20 điểm - Mật độ trên 3.000 đến dưới 10.000 lượt tàu/năm: 15 điểm - Mật độ ≤ 3.000 lượt tàu/năm: 10 điểm	10 - 20
3	Trọng tải tàu lớn nhất hoạt động trên luồng	- Tàu có trọng tải ≥ 40.000 DWT đầy tải: 15 điểm - Tàu có trọng tải trên 5.000 DWT đến dưới 40.000 DWT đầy tải: 10 điểm - Tàu có trọng tải ≤ 5.000 DWT đầy tải: 5 điểm	5 - 15
4	Phân cấp công trình luồng hàng hải	- Luồng cấp đặc biệt hoặc cấp I: 15 điểm - Luồng cấp II, III: 10 điểm - Luồng cấp IV: 5 điểm	5 - 15
Tổng điểm đánh giá			100

Cách xác định tần suất khảo sát định kỳ:

- **≥ 85 điểm:** Tần suất khảo sát tối thiểu 02 tháng/lần
- **75 - 84 điểm:** Tần suất khảo sát tối thiểu 03 tháng/lần
- **65 - 74 điểm:** Tần suất khảo sát tối thiểu 06 tháng/lần
- **≤ 64 điểm:** Tần suất khảo sát tối thiểu 12 tháng/lần

PHỤ LỤC V
TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH TẦN SUẤT KHẢO SÁT LUỒNG HÀNG HẢI
CHUYÊN DỪNG, VÙNG NƯỚC TRƯỚC BẾN CẢNG, CẦU CẢNG,
BẾN PHAO, KHU CHUYỂN TẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số ... /2025/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tiêu chí	Mô tả chi tiết	Thang điểm
1	Mức độ bồi lắng trong thời gian 12 tháng theo kết quả tính toán tại hồ sơ thiết kế nạo vét duy tu luồng hàng hải, khu nước hoặc Thông báo hàng hải định kỳ nếu không thực hiện nạo vét duy tu	- Bồi lắng $\geq 0,5\text{m}$: 50 điểm - Bồi lắng trên 0,1m đến dưới 0,5m: 35 điểm - Bồi lắng $\leq 0,1\text{m}$: 20 điểm	20 - 50
2	Mật độ trung bình tàu thuyền tiếp nhận trong vòng 03 năm gần nhất	- Mật độ ≥ 1.000 lượt tàu/năm: 15 điểm - Mật độ trên 300 đến dưới 1.000 lượt tàu/năm: 10 điểm - Mật độ ≤ 300 lượt tàu/năm: 5 điểm	5 - 15
3	Trọng tải tàu lớn nhất tiếp nhận tại bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	- Tàu có trọng tải ≥ 40.000 DWT: 15 điểm - Tàu có trọng tải từ trên 5.000 DWT đến dưới 40.000 DWT: 10 điểm - Tàu có trọng tải ≤ 5.000 DWT: 5 điểm	5 - 15
4	Tần suất khảo sát của luồng hàng hải công cộng tại khu vực có công trình	- Tần suất khảo sát luồng hàng hải công cộng 02 tháng/lần: 20 điểm - Tần suất khảo sát luồng hàng hải công cộng 03 tháng/lần: 15 điểm - Tần suất khảo sát luồng hàng hải công cộng 06 tháng/lần: 10 điểm - Tần suất khảo sát luồng hàng hải công cộng 12 tháng/lần: 5 điểm - Đối với công trình bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải không sử dụng luồng hàng hải công cộng: 5 điểm	5 - 20
Tổng điểm đánh giá			100

Cách xác định tần suất khảo sát định kỳ:

- **≥ 80 điểm:** Tần suất khảo sát tối thiểu 12 tháng/lần
- **65 - 79 điểm:** Tần suất khảo sát tối thiểu 24 tháng/lần
- **≤ 64 điểm:** Tần suất khảo sát tối thiểu 36 tháng/lần